

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26-7-2024

V/v: ly hôn giữa

chị Th và anh T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Nguyễn Thị Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Luân

2. Bà Trần Thị Nơi

- Thư ký phiên toà: bà Phạm Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXX-ST ngày 11 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** chị Châu Thị Th, sinh năm 1991

Địa chỉ: xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An

2. **Bị đơn:** anh Trần Văn T, sinh năm 1985

Địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

(Chị Th và anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20-5-2024, bản tự khai, đơn đề nghị, nguyên đơn chị Châu Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: chị kết hôn với anh Trần Văn T do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An vào ngày 19-4-2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 5 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tình tình không hợp, không bảo ban được nhau trong cuộc sống. Mâu thuẫn càng tăng, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Về nuôi con chung: vợ chồng có một con chung là Trần Minh Q, sinh ngày 18-9-2016. Nếu ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về chia tài sản chung: vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì công việc bận, đường xa nên chị không thể đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án được, đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Tại bản tự khai ngày 27-5-2024, đơn xin xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Văn T trình bày: anh kết hôn với chị Châu Thị Th do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An vào tháng 4-2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 5-2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, trong cuộc sống vợ chồng không bao ban được nhau. Mâu thuẫn căng thẳng, vợ chồng sống ly thân từ tháng năm 2019 đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Th có đơn khởi kiện ly hôn, anh đồng ý.

Về nuôi con chung: anh và chị Th có 01 con chung là Trần Minh Q, sinh ngày 18-9-2016. Anh đề nghị Tòa án giải quyết để chị Th trực tiếp nuôi con chung, anh không phải góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị Th.

Về chia tài sản chung: vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì công việc bận, đường xa nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên hòa giải của Tòa án và phiên tòa xét xử của Tòa án các cấp.

Tại đơn đề nghị ngày 30-5-2024, cháu Trần Minh Q là con của chị Châu Thị Th và anh Trần Văn T trình bày: từ trước đến nay, cháu sinh sống cùng mẹ. Hiện tại cháu đang ở cùng với mẹ tại tỉnh Nghệ An, mẹ luôn ở bên cạnh, quan tâm, yêu thương chăm sóc, dạy bảo cháu. Bố cháu sinh sống ở tỉnh Thái Bình nên không có nhiều thời gian gần gũi và chăm sóc cháu. Nếu trường hợp bố mẹ cháu ly hôn thì cháu xin được ở với mẹ Châu Thị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* chị Châu Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Trần Văn T. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là

“Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Anh T cư trú tại thôn Q, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, chị Th, anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị Th, anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: chị Châu Thị Th và anh Trần Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An vào ngày 19-4-2017 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 5-2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tình tình không hợp, bất đồng nhau về quan điểm sống. Vợ chồng chị Th, anh T đã sống ly thân nhau từ năm 2019. Quá trình giải quyết tại Tòa án, chị Th và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đều đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Hội đồng xét xử thấy: Vợ chồng chị Th, anh T sống ly thân đã lâu, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Th được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: chị Th và anh T có 01 con chung là Trần Minh Q, sinh ngày 18-9-2016. Từ khi vợ chồng ly thân, chị Th trực tiếp nuôi cháu Quân, nguyện vọng của cháu Quân xin được ở với mẹ, anh T đồng ý để chị Th trực tiếp nuôi con. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Quân cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về chia tài sản: chị Th, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: chị Th phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: xử cho ly hôn giữa chị Châu Thị Th và anh Trần Văn T.
2. Về nuôi con chung: giao cho chị Th trực tiếp nuôi con chung là Trần Minh Q, sinh ngày 18-9-2016, anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Quân cùng chị Th. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
3. Về chia tài sản: chị Th, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí: chị Châu Thị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Th đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003765 ngày 27-5-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (chị Th đã nộp đủ tiền án phí).
5. Quyền kháng cáo: chị Th, anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên